

? Bao nhiêu đề - ca - gam thì bằng 1 hg
- GV ghi vào cột hg: 1 hg = 10 dag.
- GV hỏi tương tự với các đơn vị khác để hoàn thành bảng đơn vị đo khối lượng.
? Mỗi đơn vị đo khối lượng gấp mấy lần đơn vị nhỏ hơn liền sau nó
? Mỗi đơn vị đo khối lượng kém mấy lần so với đơn vị lớn hơn liền nó
- GV cho HS đọc lại bảng đơn vị đo khối lượng để ghi nhớ.

3. Thực hành:

+ Bài 1:

+ Bài 2:

+ Bài 3: GV hướng dẫn mẫu 1 phép tính:

$$8 \text{ tấn} \dots 8 \text{ 100 kg}$$

$$8 \text{ tấn} = 8 \text{ 000 kg}$$

$$\text{Vì } 8 \text{ 000 kg} < 8 \text{ 100 kg}$$

$$\text{nên: } 8 \text{ tấn} < 8 \text{ 100 kg.}$$

+ Bài 4: HS làm vào vở.

- GV chữa bài, nhận xét.

4. Củng cố dặn dò:

- Củng cố nội dung bài. Nhận xét tiết học.

HS: 10 dag = 1 hg

HS: ... gấp 10 lần.

HS: ... kém 10 lần.

HS: Nêu yêu cầu và tự làm.

HS: Tự làm bài rồi chữa bài.

$$380\text{g} + 195\text{g} = 575\text{g}$$

$$768\text{kg} : 6 = 128\text{kg.}$$

HS: Dựa vào mẫu đó để làm các bài tương tự.

HS: Đọc đề bài và tự làm vào vở.

1 HS lên bảng giải.

Giải:

4 gói bánh cân nặng là:

$$150 \times 4 = 600 \text{ (g)}$$

2 gói kẹo cân nặng là:

$$200 \times 2 = 400 \text{ (g)}$$

Số kilôgam bánh và kẹo nặng:

$$600 + 400 = 1 \text{ 000 (g)}$$

$$= 1 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 1 kg.

Âm nhạc

(Giáo viên chuyên ngành soạn - giảng)

Thể dục

Đi đều vòng phải, vòng trái, đứng lại.

Trò chơi: Chạy đổi chỗ vỗ tay nhau.

I. Mục tiêu:

- Củng cố và nâng cao kĩ thuật: Đi đều, đứng lại quay sau. Yêu cầu nhận biết đúng hướng quay, cơ bản đúng động tác, đúng khẩu lệnh.
- Trò chơi: Kéo cửa lừa xẻ. Yêu cầu chơi đúng luật, hào hứng trong khi chơi.

II. Địa điểm, phương tiện:

- Sân trường sạch sẽ, đảm bảo an toàn. Chuẩn bị 1 còi.

III. Nội dung, phương pháp:

1. Phần mở đầu.

- GV nhận lớp, phổ biến nội dung tiết học.
- Tổ chức cho HS khởi động.
- Trò chơi: làm theo hiệu lệnh.

2. Phần cơ bản:

A. Đội hình, đội ngũ:

- Ôn đi đều, đứng lại. quay sau:

B. Trò chơi vận động .

- Trò chơi: kéo cửa lừa xẻ.
- GV phổ biến luật chơi.
- Tổ chức cho HS ôn lại vận điệu.
- Tổ chức cho HS chơi thử.
- Tổ chức cho HS chơi.
- Nhận xét, biểu dương những HS chơi đúng.

3. Phần kết thúc.

- Chạy đều từ tổ 1 đến tổ 2 đến tổ 3 tạo thành vòng tròn nhỏ.
- Thực hiện các động tác thả lỏng.
- Hệ thống bài. Nhận xét tiết học.

- HS tập hợp, điểm danh, báo cáo sĩ số.

* * * * *

* * * * *

* * * * *

- HS ôn các động tác đội hình, đội ngũ.

+ lần 1,2: GV điều khiển.

+ lần 3,4: HS ôn theo tổ.

+ lần 5,6: GV điều khiển cả lớp ôn tập củng cố.

- HS chơi trò chơi.

* * * * *

* * * * *

* * * * *

Buổi chiều:

Luyện từ và câu

Luyện tập về từ ghép và từ láy

I. Mục tiêu:

Bước đầu nắm được mô hình cấu tạo từ ghép, từ láy để nhận ra từ ghép và từ láy trong câu trong bài.

II. Đồ dùng dạy học:

-Bút dạ, giấy khổ to.

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

A. Bài cũ:

? Thế nào là từ ghép. Cho VD.

? Thế nào là từ láy. Cho VD.

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu và ghi đầu bài:

2. Hướng dẫn HS làm bài tập:

+ Bài 1:

? Từ ghép nào có nghĩa tổng hợp (bao quát chung)

? Từ ghép nào có nghĩa phân loại

+ Bài 2: (Chỉ yêu cầu tìm mỗi loại 3 từ) Làm bài theo nhóm.

a) Từ ghép có nghĩa phân loại:

Xe điện, xe đạp, tàu hoả, đường ray, máy bay.

+ Bài 3:

- Nhắc HS nhớ lại khái niệm về từ láy
- Chốt lại lời giải đúng.

- GV chữa bài cho HS.

3. Củng cố dặn dò:

- Củng cố nội dung bài. Nhận xét tiết học.

HS: Trả lời.

HS: 1 em đọc nội dung bài tập 1, cả lớp đọc thầm suy nghĩ phát biểu.

- Từ “bánh trái” có nghĩa tổng hợp.

- Từ “bánh rán”

HS: Đọc yêu cầu của bài, thảo luận làm vào giấy khổ to.

- Đại diện nhóm lên trình bày.

b) Từ ghép có nghĩa tổng hợp:

Ruộng đồng, làng xóm, núi non, bãi bờ, hình dạng, màu sắc.

HS: 1 em đọc yêu cầu, cả lớp theo dõi và tự làm bài vào vở.

+ Láy âm đầu: nhút nhát

+ Láy vần: lạt xạt, lao xao

+ Láy cả âm cả vần là: rào rào.

Luyện toán

Luyện tập: Bảng đơn vị đo khối lượng

I. Mục tiêu:

- Giúp HS: Thực hành bảng đơn vị đo khối lượng.

- Củng cố tên gọi, ký hiệu, thứ tự, mối quan hệ của các đơn vị đo khối lượng trong bảng đơn vị đo khối lượng.

II. Đồ dùng:

Chuẩn bị nội dung bài.

III. Các hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra bài cũ:

HS: 2 em lên bảng làm bài tập.

Cả lớp theo dõi nhận xét.

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu- ghi đầu bài:

2. Nội dung:

Bài 1. Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ chấm.

- HS làm bài cá nhân.

- 2 em làm bảng.

a) 50kg ... 50 yến b) 5100kg ... 52 tạ a) 50kg < 50 yến b) 5100kg < 52 tạ

c) 4 tấn ... 4010kg d) 5 tạ ... 5 tấn
Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

-Y/c HS làm nhóm.

23 yến = ... kg 5 yến 9 kg ... kg
72 tạ = ... yến 2100kg = ... tạ
15 tấn = ... tạ 12 tạ 14kg = ... kg
480 tạ = ... tấn 8 tấn 76kg = ... kg

-Chữa bài và nhận xét các nhóm.

Bài 3. Bốn con bò mỗi con cân nặng 3 tạ, 12 con gà mỗi con cân nặng 3 kg, 2 con voi mỗi con cân nặng 2 tấn. Hỏi tất cả bò, gà, voi cân nặng bao nhiêu kg?

- Chữa bài và khen ngợi học sinh.

Bài 4. Ba ô tô chở hàng. Ô tô thứ nhất chở được 4 tạ 25kg, ô tô thứ hai chở nhiều hơn ô tô thứ nhất 45kg nhưng ít hơn ô tô thứ ba 3 yến 7 kg. Hỏi cả ba ô tô chở được bao nhiêu kg hàng?

c) 4 tấn < 4010kg d) 5 tạ = 5 tấn

-Thảo luận ghi kết quả vào bảng nhóm.

23 yến = ... kg 5 yến 9 kg ... kg
72 tạ = ... yến 2100kg = ... tạ
15 tấn = ... tạ 12 tạ 14kg = ... kg
480 tạ = ... tấn 8 tấn 76kg = ... kg

-Nhóm khác nhận xét bài của nhóm bạn.

- HS làm bài cá nhân.
- 1 em làm bảng nhóm
- Dán bảng và trình bày

4 con bò cân nặng: $3 \times 4 = 12$ (tạ)

12 con gà cân nặng: $3 \times 12 = 36$ (kg)

2 con voi cân nặng: $2 \times 2 = 4$ (tấn)

Đổi: 12 tạ = 1200kg; 4 tấn = 4000kg

Tất cả bò, gà, voi cân nặng số kg là:

$$1200 + 36 + 4000 = 5236 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 5236 kg

-HS làm bài cá nhân vào vở.

-GV chấm và chữa bài.

Đổi: 4 tạ 25kg = 425kg

$$3 \text{ yến } 7\text{kg} = 37\text{kg}$$

Ô tô thứ hai chở được số kg hàng là:

$$425 + 45 = 470 \text{ (kg)}$$

Ô tô thứ ba chở được số kg hàng là:

$$470 + 37 = 507 \text{ (kg)}$$

Cả 3 ô tô chở được số kg hàng là:

$$425 + 470 + 507 = 1402 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 1402 kg

3. Củng cố dặn dò

-Củng cố nội dung bài. Nhận xét tiết học.

Luyện tiếng việt

Luyện tập về Cốt truyện

I. Mục tiêu:

- Nhớ lại được thế nào là 1 cốt truyện và ba phần cơ bản của cốt truyện (mở đầu, diễn biến, kết thúc).

- Bước đầu biết vận dụng kiến thức đã học để sắp xếp lại các sự việc chính của 1 câu chuyện tạo thành cốt truyện.

II. Đồ dùng dạy - học:

Chuẩn bị nội dung bài.

III. Các hoạt động dạy và học:




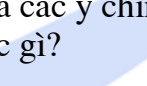
A. Kiểm tra bài cũ:

. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu và ghi đầu bài:

2. Nội dung:

Bài 1. Nối từng ô ở cột trái với ô thích hợp ở cột phải để nêu ý chính của từng đoạn truyện *Cuộc chạy đua trong rừng*

Đoạn 1		-Ngựa cha nhắc ngựa con xem lại móng nhưng ngựa con không nghe.
Đoạn 2		-Ngựa con chuẩn bị cho cuộc chạy đua.
Đoạn 3		-Trong cuộc đua, ngựa con bị long móng, không tiếp tục đua được nữa.
Đoạn 4		-Quang cảnh khi bắt đầu cuộc đua.

Bài 2. Gộp tất cả các ý chính của đoạn văn trên ta được gì?

Bài 3. Trong bài *Những hạt thóc giống* có bao nhiêu sự việc tạo nên cốt truyện? Đó là những sự việc nào?

a) Những hành động của nhân vật

b) Cốt truyện

c) Một bài văn kể chuyện

- Bài “Những hạt thóc giống” có 4 sự việc được tạo nên cốt truyện. Đó là:

1. Nhà vua muốn tìm người trung thực để truyền ngôi, nghĩ ra kế: lược chín thóc rồi giao cho dân chúng và giao hẹn: ai thu được nhiều thóc sẽ truyền ngôi.

2. Chú bé Chôm dốc sức chăm sóc mà thóc chẳng nảy mầm.

3. Chôm dám tâu với vua sự thật trước sự ngạc nhiên của mọi người.

4. Nhà vua khen Chôm trung thực và quyết định truyền ngôi cho chú.

3. Củng cố dặn dò.

- Củng cố nội dung bài. Nhận xét tiết học.

Thứ sáu ngày 19 tháng 9 năm 2014

Buổi sáng:

Thể dục

Ôn đội hình đội ngũ. Trò chơi: bỏ khăn.

I. Mục tiêu:

- Củng cố và nâng cao kĩ thuật động tác: Tập hợp hàng ngang, dóng hàng, điểm số, quay sau, đi đều vòng trái, vòng phải. đứng lại. Yêu cầu thực hiện cơ bản đúng động tác, tương đối đều, đúng khẩu lệnh.

- Trò chơi: Bỏ khăn.

II.Địa điểm, phương tiện:

- Sân trường sạch sẽ, đảm bảo an toàn tập luyện.

- Chuẩn bị: 1 còi. 1-2 chiếc khăn.

III.Nội dung, phương pháp:

1.Phần mở đầu:

- GV nhận lớp, phổ biến nội dung yêu cầu tập luyện.

- Tổ chức cho HS khởi động.

- Trò chơi: Diệt con vật có hại.

2.Phần cơ bản:

a.Đội hình đội ngũ:

- Tập hợp hàng ngang, dóng hàng, điểm số, quay sau, đi đều vòng trái, vòng phải. đứng lại.

b.Trò chơi: Bỏ khăn.

- Tập hợp đội hình chơi.

- GV nêu tên, giải thích cách chơi.

- Tổ chức cho HS chơi .

- Nhận xét, tuyên dương HS chơi tốt.

3.Phần kết thúc:

- Chạy nhẹ một vòng quanh sân.

- Thực hiện động tác thả lỏng.

- Hệ thống nội dung tập luyện.

- Nhận xét tiết học.

* * * * *

* * * * *

* * * * *

- HS ôn luyện.

- HS luyện tập theo tổ, tổ trưởng điều khiển.

- Tổ chức thi đua giữa các tổ.

- HS chơi trò chơi.

- Đội hình chơi: đội hình vòng tròn.

* * * * *

* * * * *

* * * * *

Tập làm văn

Luyện tập xây dựng cốt truyện

I.Mục tiêu:

Thực hành tưởng tượng và tạo lập một cốt truyện đơn giản theo gợi ý đã cho sẵn nhân vật, chủ đề câu chuyện.

II.Đồ dùng dạy - học:

- Tranh minh họa cốt truyện nói về lòng hiếu thảo, về tính trung thực, ...

III.Các hoạt động dạy học:

A.Kiểm tra bài cũ:

| HS: 1 em nói lại nội dung cần ghi nhớ.

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu và ghi đầu bài:

2. Hướng dẫn HS xây dựng cốt truyện:

a. Xác định yêu cầu của đề bài:

- GV gạch chân những từ quan trọng.

b. Lựa chọn chủ đề của câu chuyện:

c. Thực hành xây dựng cốt truyện:

+ Bài tập a: HS kể câu chuyện cần tưởng tượng trả lời các câu hỏi sau:

? Người mẹ ốm như thế nào

? Người con chăm sóc mẹ như thế nào

? Để chữa bệnh cho mẹ, người con gặp khó khăn gì

? Người con đã quyết vượt qua khó khăn như thế nào

? Bà tiên đã giúp 2 mẹ con như thế nào

+ Bài tập b: HS kể câu chuyện về tình trung thực, cần tưởng tượng trả lời các câu hỏi:

? Người mẹ ốm như thế nào

? Người con chăm sóc mẹ như thế nào

? Để chữa khỏi bệnh cho mẹ người con gặp khó khăn gì

- GV nghe và nhận xét.

3. Củng cố dặn dò:

1 HS kể lại chuyện “Cây khế”.

HS: 1 em đọc yêu cầu của đề bài.

HS: 2 em nối tiếp nhau đọc gợi ý 1, 2.

Cả lớp theo dõi SGK.

- 1 vài HS nối tiếp nhau nói về chủ đề câu chuyện em vừa lựa chọn.

HS: Làm việc cá nhân, đọc thầm và trả lời lần lượt các câu hỏi gợi tưởng tượng theo ý 1 hoặc 2.

- 1 HS giỏi làm mẫu, trả lời lần lượt các câu hỏi.

HS: ốm rất nặng.

HS: Thương mẹ, chăm sóc mẹ, chăm sóc cho mẹ tận tụy ngày đêm.

- Phải tìm 1 loại thuốc rất hiếm, phải đi tận rừng sâu hoặc phải tìm 1 bà tiên sống trên ngọn núi rất cao, đường đi lắm gian truân.

- Người con lặn lội trong rừng sâu, gai cào, đói ăn, nhiều rắn rết vẫn không sờn lòng, quyết tìm bằng được cây thuốc quý...

- Bà cảm động về lòng yêu thương hiếu thảo của người con đã hiện ra giúp.

HS: ốm rất nặng.

- Thương mẹ, chăm sóc tận tụy ngày đêm

- Nhà nghèo không có tiền mua thuốc.

- Bà tiên cảm động trước tình cảm của người con, bà giúp đỡ...

HS: Từng cặp HS thực hành kể vắn tắt câu chuyện tưởng tượng.

- Thi kể trước lớp.

- Viết vào vở câu chuyện của mình 1 cách vắn tắt.

- Gọi 1 - 2 em HS nói cách xây dựng cốt truyện. Nhận xét giờ học.

Toán

Giây, thế kỷ

I.Mục tiêu:

- Giúp HS làm quen với đơn vị đo thời gian giây, thế kỷ.
- Biết mối quan hệ giữa giây và phút, giữa thế kỷ và năm.

II.Đồ dùng:

Đồng hồ thật có 3 kim.

III.Các hoạt động dạy học:

A.Kiểm tra bài cũ:

B.Dạy bài mới:

1.Giới thiệu và ghi đầu bài:

2.Giới thiệu về giây:

GV cho HS quan sát đồng hồ thật yêu cầu chỉ kim giờ, kim phút,

? Khoảng thời gian kim giờ đi từ 1 số nào đó đến số liền kề ngay sau đó là bao nhiêu giờ

? Khoảng thời gian kim phút đi từ 1 vạch đến vạch tiếp ngay sau đó là bao nhiêu phút

? 1 giờ bằng bao nhiêu phút

GV chỉ kim giây và hỏi đó là kim gì?

- GV giới thiệu kim giây trên mặt đồng hồ.

+ Khoảng thời gian kim giây đi từ vạch này đến vạch liền sau nó là 1 giây.

+ Khoảng thời gian kim giây đi hết 1 vòng là 1 phút tức là 60 giây.

Ghi bảng: 1 phút = 60 giây

3.Giới thiệu về thế kỷ:

- Đơn vị đo thời gian lớn hơn năm là thế kỷ.

1 thế kỷ = 100 năm

? 100 năm bằng mấy thế kỷ

- Giới thiệu như SGK sau đó hỏi:

Năm 1975 thuộc thế kỷ nào?

HS: Quan sát và chỉ theo yêu cầu của GV

HS: ...là 1 giờ.

HS: ...là 1 phút.

HS: 1 giờ = 60 phút.

HS: ... kim giây

HS: Quan sát sự chuyển động của kim giây

HS: nêu lại 1 phút = 60 giây.

HS: Nêu lại:

- ...bằng 1 thế kỷ.

HS: Năm 1975 thuộc thế kỷ XX

Năm 1990 thuộc thế kỷ nào?

Năm nay thuộc thế kỷ nào?

4.Thực hành:

+ Bài 1: (Không làm 3 ý) GV hướng dẫn HS tính:

VD: 1 phút 8 giây = ...giây

1phút 8 giây = 60 giây + 8 giây = 68 giây

+ Bài 2: Hướng dẫn HS xác định vị trí tương đối của năm đó trên trục thời gian sau đó xem năm đó rơi vào khoảng thời gian của thế kỷ nào?

+ Bài 3: GV hướng dẫn HS cách tính:

-Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long năm 1010, năm đó thuộc thế kỷ thứ mấy?

-Năm nay là năm nào?

-Tính từ khi Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long đến nay là bao nhiêu năm?

5.Củng cố dặn dò:

-Củng cố nội dung bài. Nhận xét giờ học.

Năm 1990 thuộc thế kỷ XX

Năm nay thuộc thế kỷ XXI

HS: Tự làm rồi chữa bài.

HS: Tự đọc bài rồi chữa bài.

a) Bác Hồ sinh năm 1980, năm đó thuộc thế kỷ XIX. Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước năm 1911, năm đó thuộc thế kỷ XX.

b) Cách mạng tháng 8 thành công năm 1945, năm đó thuộc thế kỷ XX.

c) Bà Triệu lãnh đạo khởi nghĩa chống quân Đông Ngô năm 248, năm đó thuộc thế kỷ thứ III.

HS: Làm bài vào vở.

Đổi chéo vở để kiểm tra kết quả.

-Năm đó thuộc thế kỷ thứ 11.

-Năm 2014.

- Là 1004 năm (Vì $2014 - 1010 = 1004$)

Địa lý

hoạt động sản xuất của người dân ở Hoàng Liên Sơn

I.Mục tiêu:

- HS trình bày được những đặc điểm tiêu biểu về hoạt động sản xuất của người dân ở Hoàng Liên Sơn.

- Dựa vào hình vẽ để nêu được quy trình sản xuất phân lân.

- Xác lập được mối quan hệ địa lý giữa thiên nhiên và hoạt động sản xuất của con người.

II.Đồ dùng dạy học:

Bản đồ, tranh ảnh về 1 số mặt hàng thủ công,...

III.Các hoạt động dạy học:

A.Kiểm tra bài cũ:

? Nêu tên 1 số dân tộc ít người ở Hoàng Liên Sơn

? Kể về trang phục, lễ hội chợ phiên của họ

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu ghi đầu bài:

2. Trông trọt trên đất dốc:

* HĐ1: Làm việc cả lớp:

? Người dân ở Hoàng Liên Sơn thường trồng những cây gì? ở đâu?

- Treo bản đồ địa lý tự nhiên.

- Quan sát H1 và trả lời câu hỏi:

? Ruộng bậc thang thường được làm ở đâu

? Tại sao phải làm ruộng bậc thang

? Người dân ở Hoàng Liên Sơn trồng gì trên ruộng bậc thang

3. Nghề thủ công truyền thống:

* HĐ2: Làm việc theo nhóm.

? Kể tên 1 số sản phẩm nổi tiếng thủ công của 1 số dân tộc vùng núi Hoàng Liên Sơn

? Hàng thổ cẩm được dùng để làm gì

4. Khai thác khoáng sản:

* HĐ3: Làm việc cá nhân.

? Kể tên 1 số khoáng sản ở Hoàng Liên Sơn

? ở Hoàng Liên Sơn hiện nay khoáng sản nào được khai thác nhiều nhất

? Mô tả quy trình sản xuất ra phân lân

? Tại sao chúng ta phải bảo vệ, giữ gìn và khai thác khoáng sản hợp lý

? Ngoài khai thác khoáng sản, người

HS: Trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.

HS: - ... trồng lúa, ngô, chè trên nương rẫy hoặc ruộng bậc thang.

- Trồng lanh để dệt vải.

- Trồng rau

- Trồng quả: đào, lê, mận.

- QS và tìm vị trí của địa điểm ghi ở H1 - SGK.

HS: Quan sát H1 và trả lời.

- ở sườn núi.

- Giúp cho việc giữ nước, chống xói mòn

- Trồng lúa nước.

HS: Thảo luận nhóm dựa vào quan sát tranh ảnh để trả lời.

HS: ... dệt, may, thêu, đan lát, rèn, đúc tạo ra những sản phẩm như khăn, mũ, túi, tấm thảm, ...

HS: ... bán cho khách trong nước và khách nước ngoài.

HS: Quan sát H3 và đọc SGK trả lời câu hỏi:

- A- pa - tit, đồng, chì, kẽm, ...

- A -pa - tit được khai thác nhiều nhất.

HS: Quan sát H3 và nêu quy trình.

Quặng a — pa — tit được khai thác ở mỏ, sau đó được làm giàu quặng (loại bỏ đất đá, tạp chất) đạt tiêu chuẩn sẽ được đưa vào nhà máy để sản xuất ra phân lân.

HS: Tự trả lời.

HS: ... mây, gỗ, nứa để làm nhà, đồ

dân còn khai thác gì

dùng; măng, mộc nhĩ, nấm hương làm thức ăn; quế, sa nhân để làm thuốc chữa bệnh.

Tổng kết bài:

HS: Đọc ghi nhớ.

5. **Củng cố dặn dò:**

-Củng cố nội dung bài. Nhận xét giờ học.

Luyện toán

Luyện tập: Giấy, thế kỷ

I.Mục tiêu:

- Giúp HS thực hành đơn vị đo thời gian giây, thế kỷ.
- Biết mối quan hệ giữa giây và phút, giữa thế kỷ và năm.

II.Đồ dùng:

Nội dung các bài tập.

III.Các hoạt động dạy học:

A.Kiểm tra bài cũ:

B.Dạy bài mới:

1.Giới thiệu và ghi đầu bài:

2.Nội dung:

Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

- 1 giờ 25 phút = ... phút
- 10 thế kỷ = ... năm
- 2 phút 10 giây = ... giây
- 20 thế kỷ 8 năm = ... năm

Bài 2. Chiến thắng Điện Biên Phủ vào năm 1954. Năm đó thuộc thế kỷ nào?

A. XIX B. XX C. XVIII D. XXI

Bài 3. Năm 2010 kỉ niệm 1000 năm Thăng Long — Hà Nội. 1000 năm trước, vua Lý Công Uẩn dời đô về Thăng Long, năm đó là năm nào? Năm đó thuộc thế kỷ thứ mấy?

Bài 4. Bố Tuấn làm việc 8 giờ trong 1 ngày. Một tuần bố Tuấn được nghỉ 2 ngày. Hỏi 1 tuần bố Tuấn làm việc trong nhà máy bao nhiêu giờ?

- HS làm bài cá nhân.

- 1 giờ 25 phút = 85 phút
- 10 thế kỷ = 1000 năm
- 2 phút 10 giây = 130 giây
- 20 thế kỷ 8 năm = 208 năm

-Thảo luận theo bàn chọn đáp án đúng.

- Đại diện trả lời: B. XX

- Thảo luận nhóm và trả lời.

- Vua Lý Công Uẩn dời đô về Thăng Long vào năm 1010 vì 2010 — 1000 = 1010. Năm 1010 thuộc thế kỷ XI.

Giải: Một tuần bố Tuấn làm việc số ngày là: $7 - 2 = 5$ (ngày)

Một tuần bố Tuấn làm việc trong nhà máy số giờ là:

$$8 \times 5 = 40 \text{ (giờ)}$$

Đáp số: 40 giờ

3.Củng cố dặn dò

-Củng cố nội dung bài. Nhận xét tiết học.

Hoạt động tập thể

Sơ kết tuần

I.Mục tiêu.

- Đánh giá việc thực hiện nề nếp và học tập trong tuần của HS.
- Nêu phương hướng hoạt động tuần 5. -Rèn luyện ý thức, tinh thần tự giác.

II.Nội dung.

1.Nhận xét việc thực hiện nề nếp và học tập trong tuần.

- Nề nếp: Đi học tương đối đầy đủ, đúng giờ.
- Xếp hàng ra, vào lớp nhanh, đã hát đầu giờ và giữa giờ.
- Giờ truy bài đã có hiệu quả hơn.
- Học tập: Trong lớp chú ý nghe giảng, hăng hái giơ tay phát biểu xây dựng bài.
- Đã mua đủ SGK và vở bài tập. Chịu khó học và làm bài trước khi đến lớp.
- Tồn tại: Vẫn còn hiện tượng chưa học bài và làm bài trước khi đến lớp.
- 1 số bạn hay làm việc riêng trong giờ học.
- Chưa nhiệt tình trong công việc.

2.Phương hướng tuần 5.

- Phát huy những ưu điểm đã đạt được và khắc phục tồn tại.
 - Tích cực tham gia các phong trào do nhà trường phát động.
 - Tiếp tục công tác rèn chữ giữ vở.
 - Học và làm bài đầy đủ trước khi đến lớp.
-